

PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG XÃ HỘI TỘC NGƯỜI KHMER NAM BỘ TỪ THỰC TIỄN ĐẾN GIẢI PHÁP

Stable development for Ethno – Society of The Khmer in Southern Vietnam
from practice to solution

Dương Hoàng Lộc¹

Tóm tắt

Bài viết nhấn mạnh đến việc phát triển bền vững xã hội như là một nhân tố quan trọng của phát triển bền vững hiện nay ở vùng đồng bào Khmer Nam Bộ. Từ thực tiễn giải quyết nhiều vấn đề xã hội, việc phát triển bền vững xã hội người Khmer ở Nam Bộ cần chú trọng phát huy nội lực cộng đồng, tập trung giải quyết vấn đề đất đai, nâng cao chất lượng sống, tạo công ăn việc làm, phát triển nông nghiệp nông thôn, ...

Từ khóa: Phát triển bền vững, xã hội, người Khmer, Nam Bộ.

Abstract

The paper focuses on stable development of society as an important part for stable development of the Khmer community at the present. Basing on the practice in social matter resolving, the stable development of the Khmer community in the Southern Vietnam which should concentrates on inside power promotion, resolving the estates matters, life raising, careers opportunities, industrialization in the rural and etc ...

Keywords: stable development, society, the Khmer, Southern Vietnam.

1. Đặt vấn đề

Phát triển bền vững là mục tiêu của Việt Nam hiện nay trên con đường xây dựng đất nước và hội nhập quốc tế. Là quốc gia có 54 thành phần tộc người, ở ba miền đất nước, với trình độ phát triển kinh tế - xã hội không giống nhau, vấn đề phát triển bền vững cần phải quan tâm sâu sắc đến các tộc người ít người. Ở Nam Bộ, đời sống kinh tế - xã hội của tộc người Khmer trong những năm qua đã được cải thiện và phát triển hơn trước. Tuy nhiên, có nhiều vấn đề xã hội đang đặt ra cho người Khmer Nam Bộ như nghèo đói, bệnh tật, việc làm, giáo dục, môi trường, ... Đây là những lực cản cho quá trình phát triển bền vững, nhất là phát triển bền vững xã hội của tộc người này nói riêng và Nam Bộ nói chung. Vì vậy, bài viết này nhằm góp phần tìm hiểu thực trạng và đề xuất một số giải pháp nhằm đóng góp cho sự phát triển xã hội tộc người Khmer ở Nam Bộ hiện nay.

2. Về phát triển bền vững và phát triển bền vững xã hội

Khái niệm phát triển bền vững được giới học giả chia sẻ và nhắc đến nhiều là định nghĩa trong Báo cáo Brundtland của Ủy ban Môi trường và

Phát triển Thế giới (nay là Ủy ban Brundtland) được phổ biến rộng rãi vào năm 1987. Theo đó, phát triển bền vững là sự phát triển có thể đáp ứng được nhu cầu của hiện tại mà không ảnh hưởng, tổn hại đến những khả năng đáp ứng nhu cầu của các thế hệ tương lai (Vương Xuân Tình, Trần Hồng Hạnh 2012, tr. 29). Đây là một khái niệm có nội hàm rộng, nó không chỉ gồm yếu tố sinh thái mà còn chứa đựng các nhân tố kinh tế - xã hội, phản ánh sự hài hòa giữa môi trường sống với sự phát triển kinh tế và sự bình đẳng giữa các quốc gia giàu - nghèo, đặc biệt là nhấn mạnh đến sự quân bình giữa các thế hệ. Trên thế giới, phát triển bền vững thường được đánh giá qua ba tiêu chí: kinh tế, xã hội và môi trường. Ở nước ta, trong *Quyết định phê duyệt Chiến lược phát triển bền vững Việt Nam từ 2011 - 2020* của Chính phủ đã chỉ rõ mục tiêu tổng quát như sau: “*Tăng trưởng bền vững, có hiệu quả, đi đôi với tiến bộ, công bằng xã hội, bảo vệ tài nguyên và môi trường, giữ vững ổn định chính trị - xã hội, bảo vệ vững chắc độc lập, chủ quyền, thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ quốc gia*”². Định hướng phát triển bền vững của Việt Nam trong thời gian tới là tập trung vào ba lĩnh vực cơ bản: kinh tế, tài nguyên môi trường

¹ Thạc sĩ, Khoa Văn học & Ngôn ngữ Trường Đại học KHXH & NV (ĐHQG TP.HCM)

² *Quyết định phê duyệt Chiến lược phát triển bền vững Việt Nam từ 2011-2020 của Thủ tướng chính phủ*. Xem 07.11.2014 <http://vanban.chinhphu.vn/portal/page/portal/chinhphu/hethongvanban?class_id=2&mode=detail&document_id=157753>

và xã hội. Ngoài ra, trong văn bản này, quan điểm về phát triển bền vững ở Việt Nam là lấy con người làm trung tâm, có sự kết hợp chặt chẽ, hợp lý và hài hòa giữa phát triển kinh tế với phát triển xã hội và bảo vệ tài nguyên, môi trường, bảo đảm quốc phòng, an ninh và trật tự an toàn xã hội. Đồng thời còn xem khoa học và công nghệ là nền tảng và động lực cho phát triển bền vững đất nước.

Trong chiến lược phát triển bền vững của Việt Nam từ 2011 - 2020, phát triển bền vững xã hội được chỉ ra rất cụ thể và gồm rất nhiều vấn đề căn bản và rất thực tiễn. Trong đó, những vấn đề như thực hiện chính sách an sinh xã hội gắn với xóa đói giảm nghèo, phát triển đời sống kinh tế của người dân nông thôn, đồng bào dân tộc thiểu số ở vùng sâu, vùng xa, khắc phục những rủi ro đến với người dân, đặc biệt là nhóm nghèo, thực hiện chính sách đào tạo nghề cho lao động, nâng cao chất lượng giáo dục và y tế cũng như chất lượng sống, bảo tồn bản sắc văn hóa là những mục tiêu trọng tâm mà chiến lược này hướng đến³.

3. Người Khmer ở Nam Bộ và những vấn đề xã hội đặt ra trong những năm vừa qua

Tộc người Khmer ở Nam Bộ thuộc nhóm ngôn ngữ Môn - Khmer, chủng Nam Á. Một bộ phận cư dân người Khmer di chuyển từ phía Tây và Tây Bắc vào vùng đất Nam Bộ từ cuối thế kỉ VI đến đầu thế kỉ VII. Về sau, đặc biệt là từ cuối thế kỉ XIII - XVI, do sức ép của xã hội phong kiến thời Ang Kor, đã đẩy những dòng di dân người Khmer nhập cư vào vùng đất Nam Bộ và định cư, lập nghiệp chủ yếu ở Tây Nam Bộ. Việc di cư của người Khmer vào vùng đất Nam Bộ diễn ra thành nhiều đợt khác nhau và quá trình định cư đó đã hình thành tộc người Khmer ở Việt Nam hiện nay. Quá trình thích nghi và định cư, cộng cư với người Việt, Hoa, Chăm đã làm cho người Khmer Nam Bộ có những điểm khác biệt văn hóa so với người Khmer ở Campuchia (Hội Dân tộc học - Nhân học TP. HCM 2014, tr. 48). Gần đây, theo thống kê năm 2009, người Khmer ở Việt Nam có dân số là

1.260.640 người, tập trung sinh sống chủ yếu ở các tỉnh Nam Bộ, cụ thể là: Sóc Trăng (397.014 người, chiếm 30,7% dân số toàn tỉnh và 31,5% tổng số người Khmer ở Việt Nam), Trà Vinh (317.203 người, chiếm 31,6% dân số toàn tỉnh và 25,2% tổng số người Khmer ở Việt Nam), Kiên Giang (210.899 người, chiếm 12,5% dân số toàn tỉnh và 16,7% tổng số người Khmer ở Việt Nam), An Giang (90.271 người), Bạc Liêu (21.820 người), Cà Mau (29.845 người), Thành phố Hồ Chí Minh (24.268 người), Vĩnh Long (21.820 người), Cần Thơ (21.414 người), Hậu Giang (21.169 người), Bình Phước (15.578 người), Bình Dương (15.435 người) (Viện Nghiên cứu Tôn giáo - Học viện Phật giáo Nam tông Khmer. 2014, tr. 237). Hiện nay, do tình hình di dân diễn ra khá mạnh ở người Khmer, nên trong những năm gần đây, bộ phận đáng kể người Khmer ở Tây Nam Bộ di chuyển lên Thành phố Hồ Chí Minh và các tỉnh Đông Nam Bộ, đặc biệt là Bình Dương, đã tăng lên đáng kể. Văn hóa - xã hội của người Khmer Nam Bộ nổi bật nhất là gắn liền với Phật giáo Theravada, cho nên nhà chùa và tầng lớp sư sãi chiếm một vai trò quan trọng trong đời sống cộng đồng. Người Khmer cư trú trên đất giồng, quần cư thành phum, sóc, sinh sống xen kẽ với người Việt và Hoa nên đã dẫn đến quá trình giao thoa - tiếp biến văn hóa lẫn nhau ở Nam Bộ. Sinh kế chủ đạo của họ là làm nông nghiệp (trồng lúa, hoa màu và chăn nuôi,...). Ngoài ra, họ còn làm nghề thủ công truyền thống với các sản phẩm đan lát, gốm, dệt,... Vì vậy, yếu tố nông nghiệp lúa nước chi phối mạnh mẽ đến văn hóa vật chất và tinh thần của họ.

Trong những năm qua, Đảng và Nhà nước đã quan tâm rất nhiều đến việc phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào các dân tộc ít người, trong đó có người Khmer ở Nam Bộ, thông qua việc đầu tư phát triển hạ tầng, xây dựng trường học các cấp, thành lập trạm y tế và bệnh viện mới, hỗ trợ vay vốn làm ăn, đào tạo nghề, cung cấp nước sạch, xây nhà tình thương, nhà đại đoàn kết, nhất là các chính sách xã hội cho các đối tượng nghèo khó, dễ bị tổn thương. Cho nên, đời sống kinh tế xã hội của người Khmer ở Nam Bộ đã có nhiều bước phát triển, ổn định hơn trước. Tuy nhiên, bên cạnh đó, do các nguyên nhân khác nhau, nhất là sự biến đổi

³ Xem: *Quyết định phê duyệt Chiến lược phát triển bền vững Việt Nam từ 2011-2020 của Thủ tướng chính phủ*. Xem 07.11.2014 <http://vanban.chinhphu.vn/portal/page/portal/chinhphu/hethongvanban?class_id=2&mode=detail&document_id=157753>.

và tác động phức tạp về môi trường, kinh tế và xã hội, đã làm cho nhiều vấn đề xã hội nảy sinh trong tộc người Khmer Nam Bộ vào những năm vừa qua. Nó ảnh hưởng trực tiếp đến sự phát triển của người Khmer và khối đại đoàn kết dân tộc cũng như tình hình an ninh chính trị, an ninh quốc phòng ở Nam Bộ, chính sách đối nội và đối ngoại của nhà nước ta trong bối cảnh quốc tế hiện nay. Những vấn đề xã hội của đồng bào Khmer Nam Bộ hiện nay là: hạ tầng cơ sở còn thấp, giao thông đi lại khó khăn, hoạt động kinh tế kém phát triển nên thiếu việc làm cho lao động nông thôn Khmer, tỉ lệ sinh đẻ khá cao, trình độ dân trí thấp, phong tục tập quán lạc hậu nên chưa tiếp thu khoa học kĩ thuật hiện đại, một bộ phận còn thiếu nhà ở, di dân ngày một tăng,... Cụ thể, ở huyện Mỹ Tú - tỉnh Sóc Trăng (huyện có đông đồng bào Khmer sinh sống), tỷ lệ đói nghèo chiếm tới 72%, tỷ lệ học sinh người Khmer đến trường thấp hơn các dân tộc Kinh, Hoa cùng sống trong vùng, tỷ lệ mù chữ chiếm 48,7%, đặc biệt tỷ lệ học sinh các bậc đại học, cao đẳng, trung học chuyên nghiệp thấp hơn rất nhiều, chỉ chiếm 0,18% so với dân số, riêng tốt nghiệp đại học và cao đẳng chỉ chiếm 0,05% (trong khi đó, người Kinh là 1,31%, bình quân của 53 dân tộc thiểu số là 0,3%),... (Hội Dân tộc học, Nhân học Thành phố Hồ Chí Minh. 2014, tr. 212-213). Trong *Một số vấn đề cấp bách trong quá trình công nghiệp hóa - hiện đại hóa của người Khmer ở Đồng bằng sông Cửu Long* (ĐBSCL), nhóm nghiên cứu đã chỉ ra hai vấn đề cấp bách của tộc người này hiện nay là vấn đề ruộng đất (thiếu đất canh tác, tranh chấp ruộng đất và vấn đề nghèo đói (Võ Văn Sen 2010, tr. 54). Vấn đề ruộng đất, theo một báo cáo, đã cho thấy: đến năm 2001, vẫn còn 32.000 nông hộ người Khmer không có đất canh tác, chiếm tỉ lệ 16% tổng số nông hộ Khmer ở ĐBSCL. Và cũng ước khoảng trên 32.000 nông hộ người Khmer thiếu ruộng đất canh tác. Do vậy, tỉ lệ nông dân người Khmer ĐBSCL thuộc diện nghèo khó (theo tiêu chí cũ ước khoảng 44,96%), nếu tính theo tiêu chí mới năm 2001 (có mức thu nhập bình quân đầu người 150.000 đồng trong một tháng), thì tỉ lệ nghèo khó của nông hộ người Khmer ĐBSCL sẽ lên tới khoảng 80% tổng số nông hộ người Khmer địa phương (Võ Văn Sen

2010, tr. 54). Vấn đề thiếu ruộng đất sản xuất diễn ra ở hầu hết các tỉnh, thành có người Khmer sinh sống: Sóc Trăng, Trà Vinh, Kiên Giang, An Giang, Bạc Liêu, TP. Cần Thơ, Cà Mau, Vĩnh Long. Bên cạnh đó, tình hình tranh chấp đất đai tại vùng người Khmer ở ĐBSCL bắt đầu nổ ra từ năm 1989, kéo dài đến nay, với mức độ ngày càng gay gắt, diễn ra trên một diện rộng và phổ biến đều khắp tại các tỉnh có đông đồng bào Khmer sinh sống. Cho đến cuối năm 2000, tình hình đơn thư khiếu kiện đòi lại ruộng đất cũ do cha ông để lại của nông dân Khmer ở các tỉnh ĐBSCL tăng đột biến. Chỉ riêng hai huyện Tri Tôn và Tịnh Biên của An Giang có tới 2.000 lá đơn đòi lại ruộng đất của nông dân Khmer ở đây. Không chỉ gửi đơn kiện, khiếu nại, mà tập thể nông dân người Khmer ở các tỉnh ĐBSCL còn kéo đến Cơ quan đặc trách dân tộc ở ĐBSCL đòi hỏi kịp thời giải quyết dứt điểm việc tranh chấp ruộng đất (Võ Văn Sen 2010, tr. 64-65). Ngoài ra, vấn đề nghèo đói của Khmer Nam Bộ ngày một gia tăng. Trong cộng đồng cư dân vùng ĐBSCL nói chung, những khảo sát từ trước tới nay đều có một kết luận chung là, người Khmer có mức sống thấp hơn người Hoa và người Việt và có tỉ lệ hộ nghèo đói cao nhất. Có một số hộ có mức sống tăng lên nhưng số hộ nghèo mới phát sinh cũng chiếm một tỉ trọng cao khiến cho tỉ lệ hộ nghèo trong cộng đồng người Khmer cho đến nay vẫn còn một tỉ trọng cao hơn một số hộ nghèo trong các dân tộc khác sống trong vùng, nguy cơ mức sống bị giảm đi trở thành hộ nghèo hay tái nghèo trong người Khmer là rất cao. Và như vậy chưa thể nói đến sự phát triển bền vững (Võ Văn Sen 2010, tr. 171).

Những vấn đề xã hội của người Khmer ở Nam Bộ nếu giải quyết căn bản, toàn diện sẽ trở thành một thách thức lớn cho quá trình phát triển kinh tế xã hội cũng như an ninh quốc phòng của Đồng bằng sông Cửu Long trong những năm tiếp theo. Tây Nam bộ là một địa bàn rất có nhiều ý nghĩa đối với sự phát triển bền vững nước ta không chỉ ở phương diện an ninh lương thực mà còn nhiều lĩnh vực khác, nhất là lĩnh vực phát triển nông thôn đi đôi với bảo vệ tài nguyên môi trường, phát triển kinh tế và ổn định xã hội, bảo tồn bản sắc văn hóa.

4. Thực tiễn phát triển bền vững xã hội trong vùng đồng bào Khmer Nam Bộ hiện nay

Việc phát triển kinh tế - xã hội cũng như bảo tồn văn hóa truyền thống của đồng bào dân tộc thiểu số, trong đó có tộc người Khmer Nam Bộ, là một trong những nhiệm vụ quan trọng và đã được Đảng, Nhà nước hết sức quan tâm chỉ đạo thực hiện, nhất là thông qua các chính sách liên quan đến dân tộc. Nó góp phần xóa bỏ khoảng cách phát triển và mức sống giữa các dân tộc, thực hiện bình đẳng xã hội và mở rộng, thực thi an sinh xã hội, nâng cao dân trí, xóa đói giảm nghèo, phát triển nông thôn nước ta theo hướng bền vững. Có thể kể đến một số chương trình, chính sách tiêu biểu như sau: Chương trình 135 (Chương trình phát triển kinh tế - xã hội các xã thôn bản đặc biệt khó khăn), Chính sách hỗ trợ di dân thực hiện định canh, định cư cho đồng bào dân tộc thiểu số, Chính sách hỗ trợ đất ở, đất sản xuất, nước sinh hoạt cho đồng bào dân tộc ít người nghèo và hộ nghèo ở xã, thôn, bản đặc biệt khó khăn, Chính sách vay vốn phát triển sản xuất đối với các hộ dân tộc ít người đặc biệt khó khăn, Chính sách hỗ trợ trực tiếp cho người dân tộc hộ nghèo vùng khó khăn, Chính sách đối với dân tộc rất ít người, Chính sách đối với người có uy tín trong đồng bào dân tộc ít người, Chính sách cung cấp một số loại báo, tạp chí cho vùng dân tộc ít người và miền núi, vùng đặc biệt khó khăn,... Nhờ vào các chính sách hợp lý và nỗ lực của đồng bào dân tộc ít người mà đời sống vật chất, tinh thần của họ đã được nâng lên từng bước. Với đồng bào Khmer Nam Bộ, cùng với tính chất quan trọng của sự phát triển và ổn định của ĐBSCL, trong nhiều năm qua, Đảng và Nhà nước đã ban hành nhiều chính sách có liên quan là: Chỉ thị 117CT/TW ngày 29/9/1981 về công tác đối với đồng bào Khmer, Chỉ thị 112/CT-HĐBT ngày 12/5/1982 về công tác ở vùng đồng bào dân tộc Khmer, Chỉ thị 68 CT/TW ngày 18/4/1991 về công tác ở vùng đồng bào dân tộc Khmer, Chỉ thị 14/BNV (VII) kí ngày 7/10/2005 về công tác đảm bảo an ninh trật tự ở vùng dân tộc Khmer Nam Bộ,... Trong chỉ thị 12CT/TW ngày 16/4/2014 của Bộ Chính trị, vấn đề nâng cao đời sống vật chất và tinh thần của đồng bào Khmer ở Tây Nam Bộ được chỉ rõ: “*Đồng bào Tây Nam Bộ nói chung, đồng bào Khmer và đồng bào Chăm nói riêng là một*

bộ phận hữu cơ không thể tách rời cộng đồng các dân tộc ở Việt Nam. Phải thực hiện tốt chính sách của dân tộc của Đảng và nhà nước, phát huy tinh thần bình đẳng đoàn kết, tương thân tương ái giữa đồng bào các dân tộc trong vùng. Đặc biệt quan tâm, tạo điều kiện và giúp đỡ để đồng bào các dân tộc thiểu số, nhất là đồng bào dân tộc Khmer, đồng bào Chăm có điều kiện sản xuất và làm việc ngày càng ổn định, có kinh tế ngày càng phát triển, đời sống vật chất văn hóa ngày càng được cải thiện, nâng cao trình độ bản lĩnh và trình độ nhận thức của đồng bào làm chủ bản thân, làm chủ cuộc sống của mình” (Võ Văn Sen 2010, tr. 31). Năm 2008, tại Hội nghị lần thứ 7 của Ban Chấp hành TW Đảng khóa X đã đề ra Nghị quyết số 26-NQ-TW về nông nghiệp, nông dân, nông thôn. Năm 2010, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định số 800/QĐ-Ttg phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia về xây dựng nông thôn mới. Phong trào xây dựng nông thôn mới đang được nhân rộng trên cả nước và đã làm góp phần thay đổi bộ mặt nông thôn nước ta ngày một khang trang hơn, đời sống của người dân được cải thiện, trong đó có bà con người Khmer ở Nam Bộ.

Trong những năm qua, vấn đề xóa đói giảm nghèo cho đồng bào Khmer Nam Bộ đã mang lại nhiều ý nghĩa thiết thực, cuộc sống của họ ngày một cải thiện hơn. Theo Ngô Văn Lê, nghèo đói có mối liên hệ với sự phát triển. Tình trạng nghèo đói ở các tộc người thiểu số chưa được giải quyết một cách căn cơ và có hiệu quả cũng ảnh hưởng rất lớn đến phát triển nguồn nhân lực ở các tộc người nước ta. Nghèo đói hiện nay là một trong bốn vấn đề nóng mà cộng đồng thế giới đang huy động mọi nỗ lực để giải quyết (vấn đề chiến tranh và hòa bình, vấn đề môi trường, vấn đề dân số và vấn đề nghèo đói). Việc giải quyết vấn đề nghèo đói ở các tộc người ít người là một quá trình lâu dài và khó khăn, không phải chỉ đối với những nước đang phát triển, mà ngay cả nước phát triển (Hội Dân tộc học - Nhân học Thành phố Hồ Chí Minh 2014, tr. 37-38). Công tác phát triển sản xuất, xóa đói giảm nghèo của đồng bào Khmer Nam Bộ đã đạt được những thành tựu trong những năm gần đây như: năng lực sản xuất của đồng bào có bước nâng lên, đời sống của một bộ phận đồng bào được cải thiện, tỷ lệ hộ nghèo giảm từ 41,15% năm 2006

xuống còn 40% (theo tiêu chí mới) với tổng số hộ nghèo là 94.562 hộ, số hộ khá từng bước được nâng lên. Một số nơi đã xuất hiện mô hình làm ăn có hiệu quả, vươn lên thoát nghèo, có hộ thu nhập bình quân từ 50 đến 100 triệu đồng mỗi năm (Thiên Linh, 1/12/2014). Trong xóa đói giảm nghèo cho đồng bào Khmer Nam Bộ, không thể bỏ qua vấn đề tạo công ăn việc làm và đào tạo nghề, hỗ trợ đất sản xuất nông nghiệp và đầu tư vốn, khoa học kỹ thuật. Vấn đề dạy nghề và giải quyết việc làm cho đồng bào Khmer Nam Bộ là một nhiệm vụ then chốt cho việc giảm nghèo bền vững và đã đạt được: hàng ngàn lao động phổ thông là thanh niên Khmer được giải quyết việc làm ở các cơ sở sản xuất trong và ngoài tỉnh, một số thanh niên được đi xuất khẩu lao động. Tuy đa số thuộc loại lao động giản đơn, thu nhập chưa bền vững nhưng cũng thể hiện sự chuyển dịch lao động tích cực. Một bộ phận lao động nông nghiệp chuyển sang lao động phi nông nghiệp tại các nhà máy, xí nghiệp, làm thuê mướn, làm dịch vụ,... Nhiều địa phương hình thành các cơ sở sản xuất thu hút đông đảo lao động là người dân tộc. Điển hình như tỉnh Trà Vinh hình thành xí nghiệp giầy da, thu hút hàng ngàn lao động, tỉnh Sóc Trăng mở rộng quy mô chế biến hải sản thu hút hàng ngàn lao động và tỉnh An Giang có xí nghiệp chế biến hạt điều thu hút gần 2000 lao động là người dân tộc Khmer. Ngoài ra, các địa phương còn tổ chức tư vấn, giới thiệu việc làm và đưa được nhiều lao động trẻ là người dân tộc thông qua dạy nghề, đi làm việc tại các xí nghiệp, nhà máy ở các tỉnh, thành trong khu vực và bước đầu đưa đi lao động ở nước ngoài (Thiên Linh, 1/12/2014). Hội thảo Xóa đói giảm nghèo bền vững trong đồng bào dân tộc phía Nam cho biết: giai đoạn 2011 - 2013 đã giải quyết việc làm mới cho 9.478 lao động dân tộc Khmer. Trường Đại học Trà Vinh đã được Thủ tướng Chính phủ giao là đơn vị thực hiện nhiệm vụ trọng điểm quốc gia đào tạo nhân lực cho đồng bào Khmer Nam Bộ trong nội dung các Dự án thành phần của Chương trình mục tiêu quốc gia Giáo dục – Đào tạo giai đoạn 2012 - 2015.⁴

Trong việc phát triển xã hội vùng đồng bào Khmer Nam Bộ, giáo dục và y tế được quan tâm

⁴ Hội thảo Xóa đói, giảm nghèo bền vững trong đồng bào dân tộc phía Nam. Xem 01.12.2014 <<http://www.baovinhlong.com.vn/newsdetails.aspx?newsid=102681>>.

hàng đầu, là hai chỉ số cần thiết cho phát triển con người, đồng thời còn là hai hình thức dịch vụ xã hội căn bản nhất. Việc nâng cao dân trí trong đồng bào Khmer Nam Bộ thông qua việc xóa mù chữ, phổ cập THCS và THPT, đào tạo nghề và việc làm ở bậc trung cấp, cao đẳng, đại học. Trong những năm qua, giáo dục trong vùng đồng bào Khmer đã có những bước phát triển đáng kể: lĩnh vực giáo dục và đào tạo có bước phát triển. Các chính sách về giáo dục được triển khai tốt. Công tác đào tạo nguồn nhân lực, bồi dưỡng nhân tài được chú trọng. Tỷ lệ huy động trẻ em trong độ tuổi đến trường năm học 2007 - 2008 đạt trên 90%, số học sinh dân tộc lưu ban, bỏ học giảm, học sinh Khmer ở các cấp học ngày càng tăng, hiện nay trong toàn khu vực có khoảng 257.946 học sinh các cấp. Công tác phổ cập giáo dục trung học cơ sở được đẩy mạnh, duy trì tốt chuẩn phổ cập giáo dục tiểu học. Hiện, có 21 trường Phổ thông dân tộc nội trú (9 trường tỉnh, 13 trường huyện) và 1 trường bán trú với trên 6.000 học sinh theo học. Việc dạy và học chữ dân tộc được duy trì và có bước phát triển. Bộ Giáo dục và Đào tạo đã triển khai thực hiện chương trình và sách giáo khoa ngữ văn Khmer theo chương trình mới. Chính sách cử tuyển vào các trường đại học, cao đẳng và dự bị đại học phát huy tác dụng tốt. Cơ sở vật chất, trường lớp được tăng cường. Công tác quy hoạch, đào tạo, bồi dưỡng phát triển đội ngũ cán bộ quản lý giáo dục và đội ngũ giáo viên, đặc biệt là giáo viên dạy song ngữ Việt – Khmer được quan tâm. Hiện tổng số cán bộ quản lý giáo dục và đội ngũ giáo viên là dân tộc Khmer có 6857 người. Việc đào tạo nghề, giải quyết việc làm cũng được chú trọng. Từ đầu năm đến nay, bằng các chương trình xóa đói giảm nghèo, các địa phương đã đào tạo nghề và giải quyết việc làm cho hàng ngàn thanh niên dân tộc (Thiên Linh, 1/12/2014). Trong 10 năm trở lại đây, nhà nước đã đầu tư cho phát triển giáo dục ở ĐBSCL rất lớn với việc hình thành các trường đại học, cao đẳng ở các địa phương như Trà Vinh, Kiên Giang, Sóc Trăng, Bạc Liêu, Vĩnh Long, An Giang,... Vì vậy, thanh niên Khmer ĐBSCL được học nghề, trang bị kiến thức khoa học để phát triển tương lai, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực có trình độ cao cho vùng đồng bào Khmer Nam Bộ. Mặt khác, trên lĩnh vực chăm sóc sức khỏe cho người dân Khmer đã có bước phát

triển rất lớn, góp phần đẩy lùi bệnh tật, nâng cao chất lượng sống cho họ. Mạng lưới y tế, đặc biệt là y tế cơ sở không ngừng được củng cố và tăng cường. Hầu hết các xã, phường có đông đồng bào Khmer sinh sống đều có trạm y tế, 100% trạm y tế có y sĩ, nhiều trạm có bác sĩ. Các hộ nghèo được cấp sổ bảo hiểm, chế độ khám và chữa bệnh miễn phí cho trẻ em dưới 6 tuổi được thực hiện nghiêm túc. Việc chăm sóc sức khỏe bà mẹ và trẻ em ngày càng được tăng cường... (Thiên Linh, 1/12/2014).

Bên cạnh vai trò hỗ trợ của Đảng và Nhà nước, sự góp sức và nỗ lực của bản thân cộng đồng người Khmer Nam Bộ, nhất là vai trò của các tu sĩ Phật giáo Nam tông Khmer. Phật giáo Nam tông Khmer là bộ phận quan trọng của Phật giáo Nam Bộ. Đời sống xã hội và văn hóa của người Khmer ở đây gắn liền với Phật giáo, ngôi chùa là trung tâm của phum, sóc. Thời gian gần đây, ngoài việc thực hiện chức năng văn hóa, giáo dục và gắn kết cộng đồng, các chùa Khmer đã tiến hành các hoạt động vì an sinh xã hội cho cộng đồng, góp phần xóa đói giảm nghèo, cải thiện đời sống và nâng cao dân trí, đào tạo nghề cho bà con Khmer ở vùng sâu, vùng xa và đã góp phần thay đổi bộ mặt phum, sóc. Hội Đoàn kết Sư sãi yêu nước ở tám tỉnh, thành của Tây Nam Bộ gồm Thành phố Cần Thơ, Vĩnh Long, Hậu Giang, Sóc Trăng, Trà Vinh, Bạc Liêu, Cà Mau, Kiên Giang đã có nhiều thành tích trong xóa đói giảm nghèo, hoạt động từ thiện xã hội, đền ơn đáp nghĩa, xây dựng nhà tình thương và cứu trợ đồng bào bị lũ lụt, thiên tai. Ở Kiên Giang, tổng số tiền hoạt động từ thiện năm 2013 của Phật giáo Nam tông Khmer là 5.826.297.000⁵. Hầu hết các huyện, thị có chùa Khmer như Gò Quao, TP. Rạch Giá, huyện Châu Thành, huyện Giồng Riềng, huyện Kiên Lương, thị xã Hà Tiên, huyện U Minh Thượng, huyện An Biên, huyện Vĩnh Thuận, huyện Hòn Đất tham gia nhiệt tình các hoạt động vì cộng đồng và rất có ý nghĩa với nhiều hình thức khác nhau. Trong bài viết *Đóng góp của Phật giáo Nam tông Khmer ở tỉnh Kiên Giang*, tác giả Danh Lắm cho biết cụ thể: các chùa Phật giáo Nam tông Khmer hưởng ứng tích cực các hoạt động từ thiện, thường xuyên vận động, tuyên truyền, huy động

đóng góp sức người lẫn của cải vật chất của tín đồ Phật tử. Bước đầu đã làm được một số việc như xây dựng cầu, đường, bê tông hóa giao thông nông thôn, chăm sóc người nghèo nông thôn, tổ chức đưa người nghèo đi khám chữa bệnh tại các bệnh viện lớn, khám chữa bệnh bằng thuốc Nam, chăm cứu cho bệnh nhân nghèo, xây dựng lò hỏa táng, đóng góp tiền và hiện vật cứu trợ đồng bào bị thiên tai lũ lụt,... Điển hình như Hòa thượng Trần Nhiếp, Trụ trì Chùa Đường Xuồng Mới (huyện Gò Quao) vận động đồng bào Phật tử xây cầu, đường nông thôn trị giá hàng tỉ đồng, xây dựng trên 40 cây cầu, hàng ngàn mét đường nông thôn. Chùa Klang Mương (thị trấn Minh Lương, huyện Châu Thành) nổi bật với phòng thuốc Nam miễn phí cho bệnh nhân khám chữa bệnh, bình quân mỗi năm phát hàng chục ngàn thang thuốc. Chùa Rạch Sỏi (Thành phố Rạch Giá) tổ chức lớp dạy nghề, hướng dẫn bà con Phật tử đưa khoa học kỹ thuật vào sản xuất. Chùa Thôn Dôn, Chùa Phật Lớn (Thành phố Rạch Giá) nuôi con em đồng bào Phật tử và sư sãi các nơi để đi học ở trường,... Bên cạnh đó, nhiều vị sư sãi tham gia vào các tổ chức như hội bảo trợ bệnh nhân nghèo, hội chữ thập đỏ các cấp như Hòa thượng Trần Nhiếp, Đại đức Danh Ri, Danh Hạnh,... (Viện Nghiên cứu Tôn giáo - Học viện Phật giáo Nam tông Khmer 2014, tr. 356)

Trường Đại học Trà Vinh, tuy mới thành lập gần đây, nhưng đã có một vai trò quan trọng trong việc đào tạo nguồn nhân lực ở vùng đồng bào Khmer Nam bộ. Do vậy, nhiều con em người Khmer đã được trang bị kiến thức khoa học ở nhiều chuyên ngành, nhiều bậc học khác nhau: Nông nghiệp và phát triển nông thôn, nuôi trồng thủy hải sản, ngôn ngữ và văn hóa Khmer Nam bộ, kinh tế, công nghệ thông tin, thú y,... Trong phát triển xã hội, việc nâng cao dân trí, đào tạo nghề, trang bị tri thức khoa học là một chìa khóa quan trọng trong việc xóa đói giảm nghèo, nâng cao chất lượng sống và tạo tiền đề vững chắc để phát triển và hội nhập.

5. Phát triển bền vững xã hội trong vùng đồng bào Khmer Nam Bộ - hướng đến những giải pháp hiệu quả

Việc phát triển bền vững xã hội trong vùng đồng bào Khmer Nam Bộ là nhiệm vụ quan trọng,

⁵ Giáo hội Phật giáo Việt Nam tỉnh Kiên Giang. 2013. *Ánh đạo Kiên Giang*. Số 4. Tháng 8/2013. Trang 85.

gắn liền với chiến lược phát triển lâu dài vùng ĐBSCL, là một nhu cầu cấp bách trong bối cảnh kinh tế - xã hội nước ta có nhiều chuyển biến phức tạp. Vì vậy, theo chúng tôi cần tập trung hơn nữa vào những vấn đề trọng tâm sau:

Một là, vấn đề phát triển bền vững xã hội cho bà con Khmer Nam Bộ cần phải được đặt trong tính hệ thống về mối quan hệ giữa đất đai, giải quyết nghèo đói, lao động việc làm và nâng cao dân trí. Vì vậy, cần thực hiện những giải pháp này song song với nhau để vừa phát triển kinh tế và vừa thực thi tiến bộ, công bằng xã hội.

Hai là, Đảng và Nhà nước, cụ thể là Ban Chỉ đạo Tây Nam Bộ và chính quyền các tỉnh, thành có đồng bào Khmer sinh sống cần tập trung giải quyết những điểm nóng về đất đai, nghèo đói. Xây dựng và nhân rộng những mô hình xóa đói giảm nghèo, các cá nhân thành công về kinh tế, phát triển các nhà máy công nghiệp phù hợp với thực tiễn địa phương để giải quyết lao động việc làm tại chỗ, hạn chế di dân, cần có chính sách vay vốn hợp lý và hỗ trợ đất đai.

Ba là, cần tập trung đào tạo nghề phù hợp với nhu cầu xã hội và đặc thù của người Khmer để thanh niên có điều kiện lập nghiệp và phát triển. Cần trang bị kiến thức khoa học kỹ thuật ứng dụng vào sản xuất và thông tin để người dân Khmer vùng sâu vùng xa được tiếp cận. Bên cạnh đó, cần có sự hướng nghiệp đúng với nhu cầu xã hội để

sinh viên người Khmer ở các trường cao đẳng, đại học không rơi vào tình trạng thất nghiệp cao sau khi tốt nghiệp.

Bốn là, cần tập trung hơn nữa vào chính sách an sinh xã hội cho đồng bào Khmer. Đó là chính sách miễn giảm học phí, khám chữa bệnh, hỗ trợ tiền cho các đối tượng xã hội, giúp đỡ các nhóm dễ bị tổn thương,... Nâng cấp hệ thống bệnh viện và trường học để phục vụ nhu cầu người dân.

Năm là, cần có cơ chế và chính sách, phương pháp để phát huy hơn nữa vai trò của cộng đồng người Khmer, tầng lớp sư sãi để cùng với chính quyền tham gia phát triển kinh tế, hỗ trợ an sinh xã hội gắn với phát triển nông thôn. Đó chính là phát triển dựa vào nội lực bản thân cộng đồng, để cộng đồng là người tự giải quyết vấn đề của bản thân, tránh phụ thuộc quá nhiều vào bên ngoài.

Sáu là, cần đào tạo và nâng cao trình độ, kiến thức quản lý cho cán bộ vùng đồng bào Khmer ở các tỉnh Nam Bộ. Gắn với phát triển bền vững xã hội là các ngành học: Nhân học, Xã hội học, Công tác xã hội, Phát triển cộng đồng,... để có thể dễ dàng nắm bắt nhu cầu và thực tiễn cuộc sống của người dân, tư vấn và xây dựng các biện pháp cụ thể cho chính quyền địa phương. Cần tăng cường đội ngũ cán bộ am tường về nông nghiệp, thú y, chăn nuôi, tin học và kinh tế về vùng đồng bào Khmer để hỗ trợ phát triển sản xuất.

Tài liệu tham khảo

Hội Dân tộc học - Nhân học Thành phố Hồ Chí Minh. 2014. *Nhân học và cuộc sống (tập 1)*. NXB Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh.

Vương, Xuân Tình, Trần, Hồng Hạnh (đồng chủ biên). 2012. *Phát triển bền vững văn hóa tộc người trong quá trình hội nhập ở Vùng Đông Bắc*. NXB Khoa học Xã hội. Hà Nội.

Thiên, Linh. *Đời sống đồng bào Khmer Nam bộ ngày càng được cải thiện*. Xem 01.12.2014. <http://www.cpv.org.vn/cpv/Modules/News/NewsDetail.aspx?co_id=30703&cn_id=246670>.

Võ, Văn Sen (chủ biên) 2010. *Một số vấn đề cấp bách trong quá trình công nghiệp hóa - hiện đại hóa của người Khmer ở Đồng bằng sông Cửu Long*. NXB Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh.

Viện Nghiên cứu Tôn giáo, Học viện Phật giáo Nam tông Khmer. 2014. *Kỉ yếu Hội thảo khoa học Phật giáo Nam tông Khmer Nam Bộ đồng hành cùng dân tộc*, Kiên Giang.